

Bản án số: 28/2021/HS-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Văn Chế

Ông Vũ Hùng Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. LY MÍ T; sinh năm: 1988 tại Hà Giang; đăng ký hộ khẩu và cư trú: thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Mông; con ông: Ly Nỏ P (đã chết); con bà: Giàng Thị M; vợ: Sùng Thị C; con: Bị cáo có 02 con; con lớn SN: 2008; con nhỏ SN: 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2012 bị Hạt Kiểm lâm huyện Đ, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua bán, vận chuyển gỗ trái phép; tại bản án hình sự số 07 ngày 19/7/2013 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về hành vi vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (*đều đã được xóa án tích*). Bị cáo bị bắt ngày 12/04/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

2. ĐỖ MẠNH H, sinh ngày: 30/12/1990, tại Hà Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ 4, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; con ông: Đỗ Ngọc Q và bà Nguyễn Thị T; vợ: Nguyễn Thị Th (đã ly hôn năm 2019); con: Có 1 con sinh năm 2012; tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 21/4/2016, Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn*

đồng) về hành vi: Gây rối trật tự công cộng, hủy hoại tài sản (*Hiện chưa chấp hành*); tiền án; có 04 tiền án: Ngày 18/9/2008 Tòa án nhân dân thị xã H (*nay là thành phố Hà Giang*) tuyên phạt 36 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. ngày 20/7/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang tuyên phạt 9 tháng tù về tội: Trốn khỏi nơi giam. Ngày 01/12/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang tuyên phạt 36 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. Ngày 22/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố H tuyên phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; nhân thân: Ngày 22/7/2006, bị Công an thị xã Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 29/7/2006, bị Công an thị xã Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 02/8/2006, bị Công an thị xã H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 30/8/2006, thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, bị Công an thị xã H đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng. Bị bắt ngày 15/05/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Linh Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 06, phường Q, TP H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ 09, phường Q, TP H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.
3. Dương Văn S; sinh 1985; địa chỉ: Tổ 09, phường Q, TP H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.
4. Trần Mạnh T; sinh 1968; địa chỉ: Tổ 01, phường N, TP H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.
5. Tần Văn G; sinh 1984; địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.
6. Hầu Thị M; sinh 1984; địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang, có mặt.
7. Thào Chá S; sinh 1984; địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.
8. Ly Thị T; sinh 1994; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.
9. Ly Mí C; sinh 1994; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Th có mặt; chị Chu Thị H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ, ngày 30/06/2016 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, thuộc tổ 3 phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang các bị cáo Ly Mí T và Đỗ Mạnh H (*đang bị tạm giam ở một vụ án khác*) cùng bị giam tại buồng giam số 04, dãy nhà B2, thuộc Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, đã thực hiện hành vi mở chốt buồng giam, khi buồng giam chỉ chốt ngang không khóa và cùng nhau bỏ trốn khỏi nơi giam giữ.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ly Mí T khai: Năm 2016 bị cáo bị Công an thành phố H, khởi tố về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị tạm giam cùng buồng giam số 4, dãy B2 nhà Tạm giữ Công an thành phố H với bị cáo H. Vào trưa ngày 17/6/2016, bị cáo và H ngồi nói chuyện và do nhớ nhà nên bị cáo khóc và nói với H là nhớ vợ, con. Bị cáo nói với H là mình nói được tiếng Trung Quốc và quen biết nhiều người bên Trung Quốc và rủ bị cáo H trốn khỏi trại giam, Hùng đồng ý và cùng với bị cáo tìm cơ hội để trốn khỏi nơi giam. Đến khoảng 16 giờ, ngày 30/6/2016, quan sát thấy trời mưa, hai cửa buồng giam chỉ chốt ngoài không khóa, bị cáo và H nghe thấy cán bộ S (*Là cán bộ quản giáo*) nói với phạm nhân O (*Là phạm nhân trực sinh*) cho can phạm V ra thăm gặp giám sát. Bị cáo và H biết khi cho can phạm ra ngoài thăm gặp các cán bộ quản giáo phải đi giám sát cùng. Do đó, lực lượng bảo vệ, giám sát can phạm nhân sẽ ít hơn mọi ngày và đây là cơ hội tốt để cả hai cùng trốn khỏi nơi giam. Sau đó bị cáo H đi đến cửa giữa buồng giam thò tay ra ngoài rút thanh chốt, mở được cửa, H và nói với bị cáo: “*Cán bộ S và phạm nhân O đưa can phạm V ra ngoài rồi, chỉ có cán bộ Q đang ngồi ở khu bếp nhưng quay lưng lại phía buồng giam thôi*”. Lúc này, bị cáo đang ngồi trên giường, H nói: “*Đi ra ngoài sân phơi nắng mở cửa buồng giam ngoài đi*”, bị cáo nghe xong, liền đi về phía cửa buồng giam, dùng tay phải luồn qua ô thoáng hình tròn, vòng tay xuống dưới đáy thanh chốt cửa ngang sang bên phải. Mở được cửa, bị cáo nói với H: “*Mở được rồi, bây giờ như thế nào?*”, H trả lời: “*Cầm một cái quần vải rồi ra trước đi, để tao ra sau còn khép cửa lại*”. Bị cáo mở cửa buồng giam đi ra trước, H đi phía sau, cả hai đi dọc theo dãy nhà B2 đến góc tường rào bao quanh Nhà tạm giữ, bên trên tường có gắn dây thép gai. Lúc này, bị cáo đứng úp mặt vào tường, hai tay vòng ra phía sau lưng, đan tay vào nhau để cho H đứng ở phía sau giẫm vào tay bị cáo bật trèo lên tường rào. H trèo lên được, liền thả xuống dưới một đầu ống quần kéo bị cáo lên, rồi cả hai cùng nhảy xuống bên kia tường rào, trốn lên khu rừng tiếp giáp với Nhà tạm giữ. Sau đó H đưa bị cáo đi tìm phương tiện, khi tìm được xe bị cáo bảo người lái xe chở bị cáo và Hùng xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang, đến khoảng 07 giờ cùng ngày, người xe ôm chở bị cáo và Hùng đến nhà Tần Văn G (*ở thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang là bạn của của bị cáo*), bị cáo nói dối G là bị hỏng xe đang phải sửa ở Km31, và hỏi vay G 600.000đ, G cho bị cáo vay tiền để trả tiền trả xe ôm số còn lại bị cáo mua thịt về nhà G uống rượu. Khi ăn uống xong, bị cáo cùng với H rời nhà G đi bộ đến nhà Thào Chá S (*là anh trai của bị cáo*) cách nhà G khoảng 200 mét chơi. Đến nơi, chỉ có S ở nhà, bị cáo đi ra phía sau nhà S, gặp một người đàn ông đang đi đường (*không biết tên*) bị cáo mượn điện thoại gọi cho Ly Thị Th (*thường trú: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang là em gái của bị cáo*) nói đang ở nhà S và bảo Th xuống đón bị cáo về. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Th một mình đi xe mô tô màu sơn đỏ (*không nhớ biển kiểm soát*) đến nhà S. Khi Th đến, bị cáo, H và Th rời nhà S đến nhà Thào Mí S (*Là anh trai của bị cáo*) cách nhà S khoảng 500 mét, khi đến S đi vắng chỉ có Hầu Thị Mỹ (*là vợ của S*) ở nhà; bị cáo, H và Th cùng đi vào chơi, khi đang ngồi bị cáo nhìn thấy trên dây phơi nhà M có hai bộ quần áo Mông (*loại dùng cho phụ nữ*), bị cáo lấy và đưa cho H một bộ, rồi cả hai cùng mặc lên người. Sau đó, bị cáo bảo Th chở bị cáo và H đi đến nhà của một người phụ nữ tên M ở xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang (*là người quen của bị cáo, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch*). Đến khoảng 20 giờ cùng ngày Th chở bị cáo và Hùng đến nhà M, cả ba người cùng ở lại ăn cơm và ngủ lại nhà M.

Sáng ngày 03/7/2016, Th đi về còn bị cáo và H tiếp tục ở nhà M, khi bị cáo và H đang ngủ trưa, thì thấy M gọi dậy và nói: “Ở đây nhiều công an lắm, chúng mày đi đâu thì đi”, nên bị cáo và H liền mặc lại quần áo Mông rồi chạy lên rừng trốn, sau đó ngủ qua đêm tại rừng. Quá trình trốn ở rừng bị cáo và H gặp một người đàn ông tên V (là bố của Máy, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) đi làm nương và mang cho bị cáo và H đồ ăn. Bị cáo nói với ông V là bị cáo và H trốn trại và hỏi ông V cho bị cáo mượn một chiếc xe máy và tiền để bị cáo và H đi sang Trung Quốc, khi nào có tiền bị cáo sẽ trả lại sau, ông V đồng ý. Đến khoảng 17 giờ, ngày 04/7/2016, ông V đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, màu sơn Xanh, không gắn biển kiểm soát (Hiện chưa xác định được chủ sở hữu của xe) đi đến dừng ở ven đường cách chỗ bị cáo và H trốn khoảng 500 mét, rồi rời đi. Thấy ông V mang xe đến, lúc này trời đang mưa to, không có người đi lại, bị cáo nói: “Mưa thế này đi được rồi”, bị cáo và H đi đến vị trí để chiếc xe, thấy trên xe có để một chiếc túi nilon màu đen, bên trong có 01 chiếc áo của người dân tộc Mông, màu đen và số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng tiền Việt Nam) và 400 Nhân dân tệ (Bốn trăm nhân dân tệ, tiền Trung Quốc). Sau đó, H điều khiển xe còn bị cáo ngồi sau chỉ đường, khoảng 02 giờ ngày 05/7/2016, bị cáo và H đi đến xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang, dừng xe nghỉ ở quán ven đường ăn xong, bị cáo nhờ người đàn ông chủ quán (Hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) dẫn đường cho bị cáo và H đến khu vực biên giới để sang Trung Quốc, chủ quán đồng ý. Khoảng 04 giờ cùng ngày, người đàn ông dẫn bị cáo và H đi được khoảng 10 km thì đến khu vực biên giới, giáp Trung Quốc người đàn ông nói: “Cứ đi theo đường mòn này thì sẽ sang được bên Trung Quốc”. Bị cáo nói với người đàn ông: “Có lấy xe tao vừa đi không” thì người đàn ông nói: “Xe mày không có biển, không lấy” rồi rời đi, bị cáo và H dựng xe mô tô ở ven đường, rồi đi bộ theo đường mòn hướng sang đất Trung Quốc. Qua biên giới, bị cáo và H đi đến nhà người đàn ông tên C (Là chú của bị cáo, sinh sống ở tỉnh V, Trung Quốc, Hiện không xác định được nhân thân lai lịch) và ở lại tại đây, đến ngày 12/4/2011 bị cáo về Việt Nam và đến đầu thú tại cơ quan Công an và bị bắt giam.

- Bị cáo Đỗ Mạnh H Khai: Năm 2016 bị cáo bị Công an thành phố H bắt giữ và khởi tố vụ án hình sự về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo bị giam giữ tại buồng giam cùng với bị cáo T. Quá trình nói chuyện, bị cáo T rủ bị cáo trốn khỏi nơi giam và bị cáo đồng ý, hai bên trao đổi và chờ cơ hội để trốn. Khoảng 16 giờ, ngày 30/6/2016, khi thấy cửa buồng giam không khóa ngoài bị cáo đi đến cửa giữa buồng giam (loại cửa sắt, dùng để khóa ngăn cách giữa buồng giam và sân phơi nắng) dùng tay trái luồn qua ô thoáng hình chữ nhật ở giữa cửa, rồi vòng tay xuống dưới cầm vào một đầu thanh chốt cửa ngang, đẩy thanh chốt cửa sang một bên còn tay phải cầm vào mép ô thoáng kéo nhẹ vào bên trong, để cửa không phát ra âm thanh, tránh bị phát hiện. Sau khi rút thanh chốt, mở được cửa, bị cáo dùng tay bám vào cánh cửa đẩy người lên, nhìn ra ngoài quan sát và nói với T: “Cán bộ S và phạm nhân O đưa can V ra ngoài rồi, chỉ có cán bộ Q đang ngồi ở khu bếp nhưng quay lưng lại phía buồng giam thôi” và bảo “Đi ra ngoài sân phơi nắng mở cửa buồng giam ngoài đi”, T đi ra mở được cửa và bảo với bị cáo: “Mở được rồi, bây giờ như thế nào?”, bị cáo trả lời: “Cầm một cái quần vải rồi ra trước đi, để tao ra sau còn khếp cửa lại”. T mở cửa buồng giam đi ra trước, bị cáo đi phía sau đến góc tường rào bao quanh Nhà tạm giữ, bên trên tường có gắn dây thép gai. T đứng úp

mặt vào tường, hai tay vòng ra phía sau lưng, đan tay vào nhau để cho bị cáo đứng ở phía sau giẫm vào tay T bật trèo lên tường rào, bị cáo trèo lên được, thả xuống dưới một đầu ống quần kéo T lên, rồi cả hai cùng nhảy xuống bên kia tường rào, trốn lên khu rừng tiếp giáp với Nhà tạm giữ. Khoảng 04 giờ, ngày 01/7/2016, khi đang trốn trong rừng, biết bị lực lượng Công an truy bắt, bị cáo đưa Thành đến nhà P (*Là bạn của bị cáo*) ở tổ 06, phường Q, thành phố H, mục đích để mượn điện thoại gọi liên lạc về cho gia đình. Đến nơi bị cáo không gặp được P mà gặp bà H (*Là mẹ đẻ của P*), bị cáo hỏi mượn điện thoại của bà H để gọi về nhà, cho bà Th (*là mẹ đẻ của bị cáo*), với mục đích hỏi xin tiền, bị cáo đang nói chuyện thì điện thoại hết tiền nên trả điện thoại cho bà H, rồi cùng T tiếp tục đi lên rừng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo dẫn T đến nhà bà H và chị H (*con gái bà H*) cùng thường trú: tổ 09, phường Q, thành phố H, mục đích để xin đồ ăn, khi đến bị cáo không nói cho bà H và chị H biết việc trốn khỏi nơi giam mà nói là đang bị nhóm thanh niên đuổi đánh, bà H nấu mì tôm cho T và bị cáo ăn. Bị cáo hỏi chị H cho mượn điện thoại di động để gọi xe taxi, nhưng chị H nói điện thoại hết tiền không gọi được, bà H nói: “*Sang nhà bên cạnh có thuốc lào hút và nhờ người ta gọi cho*”, bị cáo và T nghe xong liền đi theo bà H sang nhà ông S (*Tổ 09, phường Q, thành phố H*) để nhờ ông S gọi xe taxi giúp, sau đó bà H quay về nhà đi ngủ. Xe tắc xi đến nhà ông S đón bị cáo và T đi vào đến Km31- QL34, đường Hà Giang - Bắc Mê, để đến nhà người thân của T, do không có tiền trả xe taxi nên bị cáo nói với anh T (*lái xe*) đi về nhà bị cáo tại tổ 04, phường N, thành phố H gặp bà Th (*mẹ đẻ của bị cáo*) để lấy tiền, anh T đồng ý. Bị cáo và T xuống xe, đứng tại ven đường đến khoảng 04 giờ, T đi hỏi thuê xe ôm một người đàn ông chở T và bị cáo đến thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang, đến khoảng 07 giờ cùng ngày, người xe ôm chở T và bị cáo đến nhà anh G, sau đó bị cáo và T đi bộ đến nhà anh S cách nhà G khoảng 200 mét để chơi. T có gọi chị Th (*em gái của T*) xuống đón bị cáo và T đi đến nhà của một người phụ nữ tên M ở xã L, huyện M, tỉnh Hà Giang, cả ba người cùng ở lại ăn cơm và ngủ lại nhà M. Sáng ngày 03/7/2016, T và bị cáo tiếp tục chạy lên rừng trốn, ngủ qua đêm tại rừng. Khi trốn ở rừng bị cáo và T gặp một người đàn ông tên V đi làm nương và mang cho các bị cáo đồ ăn, cho mượn xe máy và tiền để các bị cáo làm phương tiện đi lại. Đến khoảng 17 giờ, ngày 04/7/2016, bị cáo điều khiển xe chở T ngồi sau đi đến khoảng 02 giờ ngày 05/7/2016 đến xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang, dừng xe nghỉ ăn mì tôm ở quán ven đường ăn xong, T nhờ người đàn ông chủ quán dẫn đường cho bị cáo và T đến khu vực biên giới để sang Trung Quốc. Khoảng 04 giờ cùng ngày, người đàn ông dẫn bị cáo và T đi được khoảng 10 km thì đến khu vực biên giới, giáp Trung Quốc, bị cáo dựng xe mô máy ở ven đường, rồi đi bộ theo đường mòn hướng sang đất Trung Quốc. Qua biên giới, T dẫn bị cáo đi đến nhà người đàn ông tên C (*Là chú của T, sinh sống ở tỉnh Vân Nam, Trung Quốc*) và ở lại tại đây. Đến ngày 03/8/2016, bị cáo đi theo đường mòn quay về Việt Nam, khi về đến tổ 06, phường N, thành phố H thì bị lực lượng Công an thành phố H phát hiện và bắt giữ. Sau đó bị cáo bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản và đi chấp hành án, khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương và đi làm ăn tại Hà Nội, đến ngày 15/5/2021 bị cáo bị bắt lại.

* Vật chứng vụ án: 01 (*Một*) đôi dép xốp màu nâu, cỡ 40, mặt trên quai dép có in hình con cá sấu màu vàng (*Dép đã qua sử dụng*). Hiện chuyển sang Chi cục thi hành án thành phố H quản lý theo quy định của pháp luật.

Bản Cáo trạng số 26/CT-VKSTPHG ngày 23/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Ly Mí T và Đỗ Mạnh H về tội "Trốn khỏi nơi giam" theo khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cơ quan CSĐT, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an TP Hà Giang thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, cũng như vật chứng thu giữ được tại hiện trường, phù hợp với kết quả điều tra, nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Ly Mí T và Đỗ Mạnh H về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Hành vi phạm tội của các bị cáo Ly Mí T, Đỗ Mạnh H đã đủ yếu tố cấu thành tội: Trốn khỏi nơi giam, theo quy định tại khoản 1 Điều 311 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 311 Bộ luật hình sự năm 1999 qui định:

"1. Người nào đang bị giam, giữ, đang bị dẫn giải hoặc đang bị xét xử mà bỏ trốn, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2. "

Điều 386 Bộ luật hình sự năm 2015 qui định:

"1. Người nào đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù mà bỏ trốn, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. "

Căn cứ áp dụng Điểm b, khoản 1, Điều 2, Nghị Quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/06/2017 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam; Căn cứ khoản 3, Điều 7, Bộ luật hình sự năm 2015, về việc áp dụng các tình tiết có lợi cho người phạm tội. Do đó cần áp dụng các tình tiết có lợi cho các bị cáo Đỗ Mạnh Hùng và Ly Mí Thành về tội: Trốn khỏi nơi giam, theo quy định tại khoản 1, Điều 386, Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Ly Mí T và bị cáo Đỗ Mạnh H phạm tội "Trốn khỏi nơi giam".

- Hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51 điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Đỗ Mạnh H từ 30 đến 36 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- BLHS. Đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Ly Mí T từ 26 đến 32 tháng tù.

- Trách nhiệm dân sự: Không.

- Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo đều xác nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật và cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[3]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo Ly Mí T và Đỗ Mạnh H đã khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 16 giờ, ngày 30/06/2016 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, thuộc tổ 3 phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang các bị cáo Ly Mí T, và Đỗ Mạnh H cùng đang bị tạm giam tại buồng giam số 04, dãy nhà B2, thuộc Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, đã thực hiện hành vi mở chốt buồng giam khi buồng giam chỉ chốt ngang không khóa và bỏ trốn khỏi nơi giam giữ. Hành vi của các bị cáo T và H và đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trốn khỏi nơi giam" theo quy định tại khoản 1 Điều 311- BLHS năm 1999. Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 30/6/2016 khi đó bộ Luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành và mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 311 - BLHS năm 1999 từ 6 tháng đến 5 năm tù. Nay tại thời điểm xét xử vụ án bộ Luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực thi hành và điều luật "Trốn khỏi nơi giam" quy định tại khoản 1 Điều 386 của bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt từ 6 tháng đến 3 năm tù. Căn cứ Điểm b, khoản 1, Điều 2, Nghị Quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/06/2017 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam; căn cứ khoản 3, Điều 7, Bộ luật hình sự năm 2015, về việc áp dụng các tình tiết có lợi cho người phạm tội. Do đó cần áp dụng các tình tiết có lợi cho các bị cáo Đỗ Mạnh H và Ly Mí T về tội: Trốn khỏi nơi giam, theo quy định tại khoản 1 Điều 386 - Bộ luật hình sự năm 2015. Viện Kiểm

sát thành phố Hà Giang truy tố bị cáo về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự năm 2015, là phù hợp đúng người, đúng tội theo quy định của pháp luật.

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây cản trở, khó khăn cho công tác điều tra vụ án, nhằm trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, vi phạm pháp luật hình. Do đó, buộc các bị cáo phải chịu hình phạt phù hợp với hành vi của các bị cáo gây ra.

[5]. Trong vụ án này bị cáo T là người khởi xướng việc trốn khỏi nơi giam, quá trình bỏ trốn bị cáo còn là người tích cực tìm phương tiện, chỗ ẩn nấp nhằm mục đích trốn tránh sự truy tìm của cơ quan pháp luật. Nên cần áp dụng hình phạt thỏa đáng với hành vi của bị cáo gây ra.

[6]. Bị cáo H tham gia với vai trò đồng phạm cùng bỏ trốn với bị cáo T, nhưng do bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần phạm tội chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không có sự thay đổi hối cải về hành vi phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo H mức án cao phù hợp với tính chất mức độ và hành vi của từng bị cáo mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo đồng thời ngăn chặn rắn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[7]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đỗ Mạnh H có một tình tiết tăng nặng hình phạt trong trường hợp Tái phạm nguy hiểm theo điểm h, khoản 1 Điều 52 - BLHS.

[8]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự. Bị cáo T là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn nhận thức về xã hội còn hạn chế, đã tự giác ra đầu thú nên áp dụng khoản 2 Điều 51- BLHS cho bị cáo T.

[9]. Trách nhiệm dân sự: Số tiền anh G cho bị cáo T vay 600.000đ anh G không biết T sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình giải quyết anh G không có yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả nên không xem xét giải quyết.

[10]. Về xử lý vật chứng: 01 (Một) đôi dép xốp màu nâu, cỡ 40, mặt trên quai dép có in hình con cá sấu màu vàng (*Dép đã qua sử dụng*) thu giữ của bị cáo T không còn giá trị sử dụng nên tích thu tiêu hủy.

[11]. Đối với bà Linh Thị H; Nguyễn Thị H; Chu Thị H; Dương Văn S; Tần Văn G; Thảo Chá S; Hầu Thị M; Ly Thị Th và Trần Mạnh T: Là những người gặp gỡ, tiếp xúc với bị cáo T và bị cáo H sau khi các bị cáo trốn khỏi nơi giam. Tuy nhiên quá trình gặp gỡ và tiếp xúc những người này không biết việc bị cáo bỏ trốn khỏi nơi giam, sau khi biết việc đã chủ động khai báo và cung cấp thông tin liên quan đến vụ án. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Xét việc xử lý của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an TP.H là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[12]. Đối với người phụ nữ tên M và người đàn ông tên V: Là những người biết việc bị cáo T và H trốn khỏi nơi giam và tích cực giúp sức trong quá trình các bị cáo bỏ trốn. Hành vi của M và V đã có dấu hiệu của tội Che giấu tội phạm và tội Không tố giác về tội phạm quy định tại Điều 313, 314 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, hiện nay chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của M và V. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi đủ căn cứ sẽ xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

[13]. Người đàn ông dẫn đường cho bị cáo T và H tại khu vực xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang, giúp T và H bỏ trốn qua biên giới. Hiện nay chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người đàn ông này. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi đủ căn cứ sẽ xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

[14]. Đối với Ly Mí C (*Là anh trai của T*), tại Cơ quan điều tra C khai báo không có mối quan hệ với người phụ nữ nào tên M và người đàn ông tên V (*có đặc điểm theo như lời khai của bị cáo*) tại xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang, Chung không biết việc T và H trốn khỏi nơi giam vào ngày 30/6/2016. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Chung trong vụ án. Xét việc xử lý của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an TP. H là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[15]. Đối với những cán bộ quản lý Nhà tạm giữ Công an thành phố H. Sau khi phát hiện đối tượng bỏ trốn, Nhà tạm giữ đã báo cáo lãnh đạo Công an thành phố H triển khai công tác truy bắt, đồng thời xem xét trách nhiệm của cán bộ chiến sĩ có liên quan trong việc để phạm nhân bỏ trốn khỏi nơi giam, đã bị xử lý kỷ luật theo quy định của ngành Công an.

[16]. Đối với hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép của bị cáo Đỗ Mạnh H và Ly Mí T. Ngày 08/6/2021, Công an thành phố H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bằng hình thức phạt tiền, mức phạt chung là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) đối với bị cáo H và T về hành vi “*Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định*”), theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 17, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, của Chính phủ. Xét việc xử lý của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an TP. H là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[17]. Đối với hành vi lấy 02 bộ quần áo dân tộc Mông của Ly Mí T, Đỗ Mạnh H, do quần áo đã cũ, không còn giá trị, hiện không thu hồi được, chị Hậu Thị M không có yêu cầu đề nghị gì, do vậy không xem xét giải quyết.

[18]. Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo T được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố: Bị cáo Ly Mí T và bị cáo Đỗ Mạnh H phạm tội "Trốn khỏi nơi giam".

- Hình phạt:

+ Căn cứ Điểm b, khoản 1, Điều 2, Nghị Quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/06/2017 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam; căn cứ khoản 3, Điều 7, Bộ luật hình sự năm 2015; căn cứ vào khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ Luật hình sự năm 2015; Điều 47 - BLHS; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử phạt bị cáo Đỗ Mạnh H 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/5/2021.

+ Căn cứ Điểm b, khoản 1, Điều 2, Nghị Quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/06/2017 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam; căn cứ khoản 3, Điều 7, Bộ luật hình sự năm 2015; căn cứ vào khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - Bộ Luật hình sự năm 2015; Điều 47 - BLHS; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử phạt bị cáo Ly Mí T 26 (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/4/2021.

- Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) đôi dép xốp màu nâu, cỡ 40, mặt trên quai dép có in hình con cá sấu màu vàng (*Dép đã qua sử dụng*).

Vật chứng được bàn giao tại biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Hà Giang và cơ quan Thi hành án dân sự TP Hà Giang ngày 02/7/2021.

- Về án phí: Buộc bị cáo H phải chịu 200.000đ, án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo T được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Cơ quan THA hình sự, Công an TPH;
- Các Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu bộ phận HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Bình

